

Số: 132/2026/QĐST-DS

Đồng Nai, ngày 11 tháng 5 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 29 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 536/2025/TLST- DS ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

### XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### QUYẾT ĐỊNH:

#### 1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Công ty cổ phần J (tên cũ là Công ty cổ phần M); địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc D - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Miền Nam. Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Vương Đức Thái B, địa chỉ liên lạc: Số H P, phường B, thành phố Đ; Ông Nguyễn Thế Đ, địa chỉ liên lạc: D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Tòa V1, số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T1 - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung Tâm thu hồi nợ khách hàng cá nhân; Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Ngọc D, địa chỉ liên lạc: D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc/và ông Hà Quang T2, địa chỉ liên lạc: Số A N, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Ngọc Hồng B1, sinh năm 2002, địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường T, thành phố Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Ngọc Q, sinh năm 1976; bà Đinh Thị Ngọc D2, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường T, thành phố Đ.

#### 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

21. Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Trần Ngọc Hồng B1 có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần J và Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 29/4/2026 là

1.826.763.476 (Một tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm bảy mươi sáu) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 1.430.000.000 đồng; Nợ lãi là 396.763.476 đồng, trong thời hạn 02 tháng, hạn cuối phải trả nợ là ngày 29/6/2026, cụ thể:

- Bà Trần Ngọc Hồng B1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần J là 1.735.425.303 (một tỷ bảy trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn ba trăm lẻ ba) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 1.358.500.000 đồng; Nợ lãi là: 376.925.303 đồng.

- Bà Trần Ngọc Hồng B1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V là 91.338.173 (chín mươi một triệu ba trăm ba mươi tám ngàn một trăm bảy mươi ba) đồng. Trong đó nợ gốc là 71.500.000 đồng; Nợ lãi là 19.838.173 đồng.

Bà Trần Ngọc Hồng B1 phải tiếp tục trả lãi cho Công ty cổ phần J và Ngân hàng TMCP V kể từ ngày 30/4/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN2303238716020 ngày 31/03/2023 và Khế ước nhận nợ ngày 31/03/2023 ký giữa bà Trần Ngọc Hồng B1 và Ngân hàng TMCP V.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp bà Trần Ngọc Hồng B1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần J và Ngân hàng TMCP V thì Công ty cổ phần J và Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 365, tờ bản đồ số 4, diện tích 1898m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nay là xã T, thành phố Đ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 006229, số vào sổ CS 04960 cấp ngày 12/11/2018 cho ông Trần Ngọc Q, bà Đinh Thị Ngọc D2 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì bà Trần Ngọc Hồng B1 có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần J và/hoặc Ngân hàng TMCP V cho đến khi trả hết khoản nợ.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Ngọc Hồng B1 phải chịu án phí là 33.401.452 (ba mươi ba triệu bốn trăm lẻ một ngàn bốn trăm năm mươi hai) đồng. Công ty cổ phần J và Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí, Thi hành án dân sự thành phố Đ hoàn trả lại cho Công ty cổ phần J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.400.000 (hai mươi chín triệu bốn trăm ngàn) đồng (Biên lai số 0010523 ngày 05/12/2025) và hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng (biên lai số 0010529 ngày 05/12/2025).

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Trần Ngọc Hồng B1 phải chịu số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, do Công ty cổ phần J đã nộp tạm ứng chi phí nêu trên nên bà H có nghĩa vụ phải trả cho Công ty cổ phần J số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

**Thẩm phán**

- TAND thành phố Đồng Nai;
  - VKSND khu vực 10 – Đồng Nai;
  - THADS thành phố Đồng Nai;
  - Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Quốc Mạnh**